

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/DS - ST
Ngày: 15/8/2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Phương Dung.

Bà Vũ Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6- Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6- Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 14/2025/TLST- DS ngày 24/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6- Hưng Yên) về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-DS ngày 10/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST- DS ngày 08/8/2025 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn L, sinh năm 1974

Địa chỉ cũ: Thôn M Đ, xã Đ Q, huyện Tiền Hải, Thái Bình.

Địa chỉ mới: Thôn M Đ, xã Đ T H, tỉnh Hưng Yên.

2. *Bị đơn:* Bà Vũ Thị M, sinh ngày 15/6/1965.

Địa chỉ cũ: Thôn M Đ, xã Đ Q, huyện Tiền Hải, Thái Bình.

Địa chỉ mới: Thôn M Đ, xã Đ T H, tỉnh Hưng Yên.

(Anh Luyện, bà I M có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Phạm Văn L trình bày:

Ngày 02/02/2024, bà Vũ Thị M có vay của anh L số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và hẹn sau một tháng sẽ trả cho anh Luyện. Sau thời hạn

một tháng anh Lyêu cầu bà I M phải trả tiền cho anh Lnhung bà I M cứ khát lần và không trả tiền cho anh Luyện. Anh Lđã nhiều lần yêu cầu bà I M phải trả số tiền cho anh Lnhung không có kết quả. Nay anh Lđề nghị Tòa án buộc bà I M phải trả cho anh Lsố tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), anh Lkhông yêu cầu bà I M phải trả tiền lãi cho anh Luyện. Đối với việc bà Lrút trình bày chỉ vay anh Lsố tiền 86.000.000 đồng (Tám mươi sáu triệu đồng), lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày là không đúng, thực tế bà I M vay anh số tiền 100.000.000 đồng, tiền bà I M đã lấy, giấy vay nợ do bà I M viết, anh Lchưa nhận được đồng lãi nào từ bà I M, trong giấy vay nợ cũng không có chỗ nào thể hiện anh Lcho bà I M vay với lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày.

Tại đơn đề nghị, biên bản lấy lời khai, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Vũ Thị M trình bày: Ngày 20/7/2023 bà I M vay của anh Lsố tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); ngày 01/8/2023 vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); ngày 02/10/2023 vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), một lần bà vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nhưng không nhớ ngày và ngày 06/01/2024 anh L đưa cho bà số tiền phường 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Tổng số tiền bà I M còn nợ anh Llà 86.000.000 đồng (Tám mươi sáu triệu đồng). Mục đích bà I M vay tiền là vay hộ chị Roãn Thị Q là người cùng xã, chồng bà I M không liên quan gì đến việc vay nợ giữa bà M và anh Luyện. Anh Lcho bà M vay với lãi suất là 3.000đồng/01 triệu/01 ngày. Bà I M đã trả lãi cho anh Lđến tháng 02/2024, sau đó do chị Q vỡ nợ bỏ đi nên bà I M không trả được tiền cho anh Luyện. Giấy vay tiền ngày 02/02/2024 là do bà viết và ký nhưng do không hiểu biết và nghĩ rằng giấy vay tiền này là căn cứ để đòi nợ chị Q nên bà M đã viết giấy vay nợ với anh Luyện. Nay bà M thừa nhận chỉ còn nợ anh L số tiền gốc là 86.000.000 đồng (Tám mươi sáu triệu đồng) và xin được trả nợ dần.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải Quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải Quyết vụ án.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng Q định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để thực hiện các Quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn L, buộc bà Vũ Thị M phải trả cho anh Lsố tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Về án phí: Áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Q định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là bà Vũ Thị M cư trú tại xã Đ Q, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (Nay là xã ĐT H, tỉnh Hưng Yên), theo Q định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 Luật số 81/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa anh Phạm Văn L và bà Vũ Thị M thuộc thẩm Qền giải Qết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6- Hưng Yên.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn L về việc buộc bà Vũ Thị M phải trả cho anh L số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 02/02/2024, bà Vũ Thị M có vay của anh L số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), bà I M là người viết và ký giấy vay nợ. Trong giấy vay nợ các bên không thỏa thuận thời gian trả nợ. Tuy nhiên từ thời điểm vay cho đến nay bà I M chưa trả tiền cho anh Luyện, anh L đã nhiều lần yêu cầu bà I M phải trả tiền cho anh L nhưng bà I M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh Luyện.

Bà I M thừa nhận chỉ nợ anh L số tiền 86.000.000 đồng (Tám mươi sáu triệu đồng), còn đối với giấy mượn tiền do anh L xuất trình tại Tòa án, bà I M xác nhận giấy mượn tiền là do bà I M viết nhưng do không hiểu biết và nghĩ rằng giấy vay tiền này là căn cứ để đòi nợ chị Roãn Thị Q nên bà M đã viết giấy vay nợ với anh Luyện. Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc đối chất giữa bà M và anh L đồng thời yêu cầu bà M cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện việc bà M chỉ nợ anh L số tiền 86.000.000 đồng (Tám mươi sáu triệu đồng), tuy nhiên bà M không cung cấp được các tài liệu chứng cứ để chứng minh bà I M chỉ nợ anh L số tiền 86.000.000 đồng (Tám mươi sáu triệu đồng). Như vậy việc bà M vay tiền anh L là có thật và giấy mượn tiền ngày 02/02/2024 do anh L cung cấp cho Tòa án là do bà M viết, ký và xác nhận vay của anh L số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), không có lỗi. Việc bà M không trả tiền cho anh L là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Q định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh L là có căn cứ, phù hợp với Q định tại Điều 357, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Bà Vũ Thị M vay của anh L số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), thời điểm vay chồng bà I M là ông Phương không biết bà I M vay tiền của anh L vào mục đích gì, ông Phương không ký giấy vay nợ với anh Luyện. Bà I M trình bày ông Phương không liên quan gì đến việc vay tiền giữa bà I M và anh Luyện. Anh L cũng trình bày không đưa tiền cho ông Phương, việc bà I M vay tiền chỉ có anh L và bà I M trực tiếp làm việc với nhau. Do vậy, đây là việc vay nợ cá nhân giữa anh L và bà I M. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc bà Vũ Thị M phải trả cho anh L số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn L được Tòa án chấp nhận. Vì vậy, anh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Vũ Thị M đủ 60 tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Q định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho bà I M.

[4]. Về Qền kháng cáo: Các đương sự được Qền kháng cáo theo Q định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 35 Luật số 81/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 357 và Điều 466 Bộ luật Dân sự. Điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Q định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn L. Buộc bà Vũ Thị M phải trả cho anh L số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

“ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Phạm Văn L có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Vũ Thị M không thi hành án hoặc thi hành được một phần thì phần chưa thi hành án phải chịu lãi suất theo Q định của Ngân hàng nhà nước tương ứng với thời gian chưa thi hành án ”.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ Thị M.

Trả lại anh Phạm Văn L số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002920 ngày 24/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Nay là Phòng thi hành án Dân sự khu vực 6- Hưng Yên.

“ Trường hợp bản án được thi hành theo Quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Qền thỏa thuận thi hành án, Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Q định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

3. Về Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn Quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/8/2025).

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6- Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 6- Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Chu Thị Linh